

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/Song Hành SG/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

- Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty TNHH Phát triển Quà tặng Quảng cáo Song Hành Sài Gòn**
- Địa chỉ: Tầng 4, số 47 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 3911 6577 Fax:
- E-mail: lthngoc.songhanhsaigon@gmail.com
- Mã số doanh nghiệp (MST): 0315037966
- Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Ngày Cấp: Nơi cấp: (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

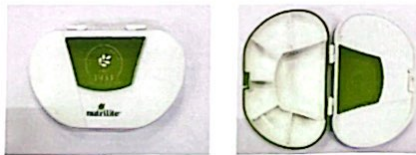
II. Thông tin về sản phẩm

- Tên sản phẩm: **Hộp đựng viên bổ sung Nutrilite tiện dụng**
- Thành phần: nhựa acrylonitril butadien styren copolyme (ABS) (phần màu trắng);
nhựa polystyren (phần màu xanh).
- Thời hạn sử dụng sản phẩm: không có
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: mỗi sản phẩm được đóng vào túi OPP, có keo dán miệng.
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):
Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại Lương Trung Tín
Địa chỉ: Số 158/37A Phan Anh, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (Xem phụ lục kèm theo)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

- Công ty kinh doanh sản phẩm **Hộp đựng viên bổ sung Nutrilite tiện dụng** đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:
 - **QCVN 12-1:2011/BYT** - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
 - **21 CFR 178.3297** - Quy định của FDA (US) - Các chất màu dùng cho polymer.
- Mô tả mẫu:



Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN





Tên sản phẩm: HỘP ĐỰNG VIÊN BỔ SUNG NUTRILITE TIỆN DỤNG.

Thành phần: Nhựa acrylonitril butadien styren copolyme (ABS) (phần màu trắng);
Nhựa polystyren (phần màu xanh).

Thông số KT: Kích thước đóng: (15 x 10 x 3,5) cm. Dung sai ± 2 mm.
Kích thước mở: (15 x 20 x 1,8) cm. Dung sai ± 2 mm.

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để đựng viên bổ sung Nutrilite.

Bảo quản: Bảo quản nơi khô thoáng.

Cảnh báo: Không đựng chất lỏng. Tránh tiếp xúc ở nhiệt độ cao; làm rơi rớt hoặc tác động mạnh tới sản phẩm.

Nhà sản xuất: Công Ty TNHH MTV SX TM Lương Trung Tín.

Địa chỉ: 158/37A Phan Anh, P. Tân Thới Hòa, Q. Tân Phú, TP. HCM.

Chịu trách nhiệm SP: Công Ty TNHH PT QT QC Song Hành Sài Gòn.

Địa chỉ: Tầng 4, số 47 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM.

Công ty phân phối SP: Công ty TNHH Amway Việt Nam.

Địa chỉ: 18 VSIP II - A, Đường số 30, KCN Việt Nam - Singapore II - A, P.Vĩnh Tân, Thành phố Tân Uyên, Bình Dương, Việt Nam.

Hotline: 18001700.

Xuất xứ: Việt Nam.



320846VN

323788

Số: 00135/N3.24/DG

Ngày: 02/02/2024

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

- Đơn vị yêu cầu : Công ty TNHH Phát triển Quà tặng Quảng cáo Song Hành Sài Gòn
- Tên mẫu theo khai báo : Hộp đựng viên bổ sung Nutrilite tiện dụng
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu: 19/01/2024
- Căn cứ giám định :
 - 5.1) QCVN 12-1:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
 - 5.2) 21 CFR 178.3297 – Quy định của FDA (US) – Các chất màu dùng cho polymer.

6. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

6.1) Mô tả mẫu:



Các bộ phận tiếp xúc với thực phẩm:

- Phần màu trắng
- Phần màu xanh

6.2) Kết quả chi tiết:

Tên chỉ tiêu	Kết quả		Yêu cầu nêu tại mục 5
	(a)	(b)	
Định danh nhựa	ABS (*)	Polystyren	Thuộc nhóm nhựa nêu tại mục 5.1
Hàm lượng cặn khô chiết được từ mẫu, $\mu\text{g/mL}$			
- Trong nước, 60°C, 30 phút	< 5	< 5	≤ 30
- Trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút	< 5	< 5	≤ 30
- Trong n-heptan, 25°C, 60 phút	< 5	< 5	≤ 240
Khả năng thôi màu từ mẫu trong các chất chiết nêu trên	Không thôi màu	Không thôi màu	Không thôi màu
Hàm lượng kim loại nặng (qui ra chì) chiết được từ mẫu trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút, $\mu\text{g/mL}$	< 1	< 1	≤ 1
Hàm lượng KMnO_4 tiêu thụ trong nước chiết được từ mẫu, 60°C, 30 phút, $\mu\text{g/mL}$	< 1	< 1	≤ 10
Hàm lượng tổng các chất bay hơi từ mẫu, mg/g (styren, toluen, ethylbenzen, isopropylbenzen, n-propyl benzen)	< 1	< 1	≤ 5
Hàm lượng kim loại trong vật liệu, $\mu\text{g/g}$			
- Chì (Pb)	< 5	< 5	≤ 100
- Cadimi (Cd)	< 5	< 5	

(*) ABS (Acrylonitril butadien styren copolymer): cùng nhóm nhựa với polystyren.

7. Kết luận: Mẫu giám định có kết quả các chỉ tiêu phù hợp với yêu cầu nêu tại mục 5 đối với hộp nhựa dùng để chứa các loại thực phẩm (**).

Ghi chú: - Thông báo này chỉ có giá trị cho mẫu nêu trên.
- (**) Trừ thực phẩm chứa cồn, không thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng.

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Dương Thị Phương Thảo



Nguyễn Thái Hùng

M01 – QTGD 31

KT3-00403AHD4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/01/2024
Trang 01/04

- Tên mẫu : **HỘP ĐỰNG VIÊN BỔ SUNG NUTRILITE TIỆN DỤNG**
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
(xem hình trang 04/04)
Trên bao chứa mẫu có thông tin hồ sơ 00135/N3.24/DG/PT
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 23/01/2024
- Thời gian thử nghiệm : 24/01/2024 - 30/01/2024
- Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN QUÀ TẶNG QUẢNG CÁO SONG HÀNH SÀI GÒN**
Tầng 4, số 47 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm : Xem các trang tiếp theo

P. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG



Nguyễn Thị Thùy Nhi

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Phan Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.ln@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.ln@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*

KT3-00403AHD4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/01/2024
 Trang 02/04

A- PHẦN NHỰA MÀU TRẮNG

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại	-	ASTM E 1252 – 98 (2021)	-	Acrylonitrile butadiene styrene copolymer
THỬ VẬT LIỆU				
7.2 Hàm lượng chì	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH
7.3 Hàm lượng cadimi	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH
7.4 Tổng hàm lượng các chất bay hơi : styrene + toluene + ethylbenzene + isopropylbenzene + n-propyl benzene	mg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1	KPH
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM				
7.5 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1
7.6 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH
7.7 Hàm lượng cặn khô		QCVN 12-1 : 2011/BYT		
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C	µg/mL		5,0	KPH (KTM)
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL		5,0	KPH (KTM)
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL		5,0	KPH (KTM)

Ghi chú : KPH: không phát hiện
 KTM: không thôi màu (Đánh giá ngoại quan, dung dịch chiết sau khi thử thôi nhiễm trong, không bị thôi màu)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và tr.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and tr.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

KT3-00403AHD4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/01/2024
 Trang 03/04



B- PHẦN NHỰA MÀU XANH LÁ

Tên chi tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại	-	ASTM E 1252 – 98 (2021)	-	Polystyrene
THỬ VẬT LIỆU				
7.2 Hàm lượng chì	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH
7.3 Hàm lượng cadimi	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH
7.4 Tổng hàm lượng các chất bay hơi : styrene + toluene + ethylbenzene + isopropylbenzene + n-propyl benzene	mg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1	KPH
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM				
7.5 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1
7.6 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH
7.7 Hàm lượng cặn khô		QCVN 12-1 : 2011/BYT		
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C	µg/mL		5,0	KPH (KTM)
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL		5,0	KPH (KTM)
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL		5,0	KPH (KTM)

Ghi chú : KPH: không phát hiện
 KTM: không thôi màu (Đánh giá ngoại quan, dung dịch chiết sau khi thử thôi nhiễm trong, không bị thôi màu)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chi tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*

KT3-00403AHD4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/01/2024
Trang 04/04



QUATEST 3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*